

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình  
giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Bình năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 59/TTr-STTTT ngày 27/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020 với những nội dung cơ bản sau:

**I. Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu**

**1. Quan điểm chỉ đạo**

Chính quyền điện tử tỉnh cần được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính kế thừa; tận dụng những thành tựu, kết quả đã có, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) của tỉnh, song cần có những đột phá trong phát triển với những mục tiêu cao hơn, tốc độ nhanh hơn.

**2. Mục tiêu**

**a) Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm cải cách hành chính; công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

**b) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016-2020**

- Đến hết năm 2020, cơ bản hoàn thành cơ sở hạ tầng CNTT-TT với các thành phần cốt lõi, cấu trúc nền tảng của Chính quyền điện tử tỉnh;

- Tăng cường phát huy hiệu quả của các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) dùng chung của tỉnh; bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để các cơ quan khối Đảng có thể truy cập vào hệ thống Chính quyền điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo;

- Đảm bảo 53 nhóm thủ tục hành chính (TTHC) cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định tại Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên; ưu tiên đầu tư, xây dựng những cơ sở dữ liệu (CSDL) cần thiết, quan trọng, dùng chung của tỉnh để đồng bộ kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia;

- Tạo sự đổi mới sâu sắc trong nhận thức và phương thức, lề lối làm việc của cán bộ, công chức. Tăng đáng kể tỷ lệ người biết sử dụng và khai thác CNTT trong toàn dân. Hình thành và chuẩn bị lớp công dân điện tử sẵn sàng cho việc vận hành Chính quyền điện tử:

+ Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức có thể sử dụng khai thác có hiệu quả Chính quyền điện tử của tỉnh;

+ 100% cơ quan nhà nước các cấp tham gia vào hệ thống Chính quyền điện tử; 100% cán bộ chuyên trách về CNTT được cập nhật, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực về an toàn, bảo mật hệ thống thông tin;

+ 100% người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử.

## **II. Mô hình kiến trúc, lộ trình, nguồn lực**

### **1. Mô hình Kiến trúc**

Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0 nhằm tăng cường sự đầu tư tập trung, hạn chế thất thoát do đầu tư nhỏ lẻ, trùng lắp và thiếu đồng bộ; tăng cường khả năng tái sử dụng các hệ thống CNTT hiện có của tỉnh; đảm bảo tính linh hoạt cao để đáp ứng các thay đổi trong tương lai và phù hợp với xu thế phát triển công nghệ mới của thế giới (được khái quát theo bản vẽ tại Phụ lục 01).

### **2. Lộ trình xây dựng giai đoạn 2016-2020**

Năm 2016, xác định danh mục các nhiệm vụ, dự án và hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư;

Từ năm 2017 đến năm 2020, lộ trình cụ thể như sau:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ thành phần	2017	2018	2019	2020
A	<b>Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình thuộc Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020</b>	X	X	X	X

<b>B</b>	<b>Các dự án, nhiệm vụ để xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình</b>				
1	Đầu tư, bổ sung thiết bị máy chủ, thiết bị sao lưu dữ liệu, hệ thống báo cháy chuyên dụng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh		X	X	
2	Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước cấp huyện, xã	X	X	X	X
3	Triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên thuộc 53 nhóm dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, huyện, xã ưu tiên triển khai tại các địa phương theo Quyết định 1819/QĐ-TTg	X	X	X	X
4	Đầu tư xây dựng 20 CSDL quan trọng, cốt lõi, dùng chung của tỉnh trên các lĩnh vực để kết nối với CSDL quốc gia	X	X	X	X
5	Thiết lập Trung tâm hỗ trợ công dân, doanh nghiệp trên địa bàn	X	X	X	X
6	Tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ công chức về an ninh thông tin mạng và vận hành khai thác Chính quyền điện tử	X	X	X	X
7	Tiếp tục truyền thông và tập huấn về Chính quyền điện tử cho công dân và doanh nghiệp	X	X	X	X
8	Tiếp tục triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng tại Thái Bình	X	X	X	X
9	Trang bị bổ sung hạ tầng CNTT tại Trung tâm hành chính công cấp huyện, Bộ phận một cửa liên thông cấp xã		X	X	
10	Đầu tư, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng của tỉnh	X	X	X	X

### **3. Nguồn lực thực hiện**

- Nguồn nhân lực: Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách về CNTT tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện.

- Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện dự kiến là 101.000.000.000 đồng (*Một trăm linh một tỷ đồng*), chia ra các năm như sau:

+ Năm 2017: 44.050 triệu đồng;

+ Năm 2018: 34.750 triệu đồng;

+ Năm 2019: 12.700 triệu đồng;

+ Năm 2020: 9.500 triệu đồng;

Kinh phí thực tế cho các dự án thành phần sẽ được xác định trong bước lập Báo cáo đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác

*(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).*

### **III. Giải pháp thực hiện**

#### **1. Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng, truyền thông**

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách về CNTT tại tất cả các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn. Đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có một cán bộ lãnh đạo về CNTT và tối thiểu từ 1 - 2 công chức, viên chức được giao nhiệm vụ chuyên trách về CNTT.

- Bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh về an ninh thông tin mạng và vận hành, sử dụng, khai thác Chính quyền điện tử.

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề về Chính quyền điện tử, tình hình và xu thế phát triển Chính quyền điện tử ở Việt Nam và thế giới, trao đổi kinh nghiệm về phát triển Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Tổ chức tham quan một số địa phương trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm triển khai hệ thống Chính quyền điện tử.

- Phổ cập kiến thức cơ bản về Chính quyền điện tử cho học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và dạy nghề trên địa bàn tỉnh với định hướng đào tạo một lớp công dân điện tử, sẵn sàng làm việc trong doanh nghiệp điện tử, sử dụng, khai thác hệ thống Chính quyền điện tử có hiệu quả.

- Tăng cường truyền thông về Chính quyền điện tử để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử. Các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh thường xuyên cung cấp tin tức, phóng sự và tổ chức giao kết, hợp tác với một số cơ

quan, đơn vị truyền thông trong và ngoài nước để quảng bá Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

- Xây dựng các chương trình tuyên truyền trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh: Thiết lập chuyên đề "Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình"; phỏng vấn lãnh đạo các địa phương trong chỉ đạo thực hiện vận hành Chính quyền điện tử; phỏng vấn công dân, doanh nghiệp trong khai thác, sử dụng.

- Đài truyền thanh cấp huyện, xã thông tin thường xuyên, liên tục về Chính quyền điện tử. Tập trung nhấn mạnh vào lợi ích của người dân và doanh nghiệp khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Công thông tin điện tử tỉnh, Báo Thái Bình tổ chức các số báo, các chuyên đề thường xuyên về Chính quyền điện tử.

- Tuyên truyền thông qua hệ thống tờ rơi, áp phích, poster, băng-rôn tại các khu trung tâm, tuyến đường phố, các địa phương.

## ***2. Phát triển, đẩy mạnh hoạt động của các Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện***

Thực hiện triệt để ứng dụng CNTT vào cải cách thủ tục hành chính:

- 100% các TTHC được chuẩn hóa, công khai, rút ngắn các quy trình xử lý;
- Đẩy mạnh giải quyết TTHC theo phương thức một cửa liên thông đối với các thủ tục có liên quan đến nhiều cơ quan.

## ***3. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, ứng dụng CNTT***

- Đầu tư, bổ sung thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo tiêu chuẩn hiện đại và an toàn thông tin cấp độ 3 đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông gồm: Thiết bị tường lửa lớp ứng dụng (Application Firewall), thiết bị chống tấn công (IPS), thiết bị chống tấn công có chủ đích (APT), máy chủ cấu hình cao, thiết bị sao lưu dữ liệu.

- Xây dựng, nâng cấp Hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng để trong trường hợp xảy ra sự cố về mặt vật lý hoặc an ninh mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh vẫn có thể hoạt động bình thường phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước các cấp và sự vận hành của các Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện.

- Hoàn thiện Mạng diện rộng để kết nối thông suốt từ UBND tỉnh tới UBND cấp xã trên địa bàn. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước các cấp, đặc biệt quan tâm đầu tư tới UBND xã, phường, thị trấn. Chú trọng đầu tư Thiết bị chuyển mạch (Switch), thiết bị tường lửa (Firewall) bảo vệ mạng nội bộ của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trên toàn tỉnh.

- Đầu tư hệ thống nền tảng, tích hợp, chia sẻ (LGSP) để tích hợp, chia sẻ với các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung đã có và liên thông kết nối với các hệ thống do các bộ, ngành Trung ương triển khai.

#### **4. Mở rộng các kênh giao tiếp với người dân và doanh nghiệp**

- Hoàn thiện, bổ sung tính năng Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, tích hợp với Cổng thông tin dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin, CSDL khác. Cung cấp giao diện cho cán bộ, công chức, viên chức để vận hành hệ thống Chính quyền điện tử và sử dụng các ứng dụng tác nghiệp; giúp công dân, doanh nghiệp khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và hệ thống Chính quyền điện tử.

- Xây dựng Trung tâm hỗ trợ trên nền công nghệ IP, tích hợp tất cả các phần mềm quản lý liên quan để trợ giúp việc chăm sóc, giải đáp thắc mắc cho doanh nghiệp, công dân. Dự kiến sử dụng chung một số hạ tầng với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Quy mô ban đầu (năm 2017) cần khoảng 02 bàn hỗ trợ làm việc 2 ca/ngày và 7 ngày/tuần; sử dụng nguồn nhân lực của Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông để vận hành.

- Triển khai Hệ thống gửi, nhận tin nhắn (SMS gateway), kết nối tới các nhà khai thác mạng viễn thông di động trong nước cho phép công dân và doanh nghiệp gửi tin nhắn đến hệ thống Chính quyền điện tử để tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ, đặt lịch hẹn...

#### **5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong khối chính quyền, đoàn thể và các cơ quan khối Đảng**

- Hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh, tăng dung lượng lưu trữ của hệ thống; bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi liên thông trên mạng, đồng thời triển khai xác thực và ký số văn bản điện tử.

- Triển khai Hệ thống quản lý CSDL dùng chung trong tỉnh với nguyên tắc: Dữ liệu phải được thiết kế theo mô hình tập trung, được định nghĩa khai báo thống nhất trong toàn tỉnh, trong đó xác định các thành phần dữ liệu được chia sẻ, tích hợp hoặc công khai trên Internet.

Căn cứ mức độ cần thiết, trong giai đoạn tới tỉnh xác định các CSDL cốt lõi, ưu tiên để tập trung phát triển nhằm hỗ trợ việc xử lý dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, bao gồm:

- CSDL Xác thực người dùng;
- CSDL Dân cư;
- CSDL Doanh nghiệp;
- CSDL Đất đai;
- CSDL Môi trường;
- CSDL Cán bộ Công chức, viên chức;
- CSDL Quản lý hộ tịch;
- CSDL Tài chính công;
- CSDL Tài sản công;
- CSDL Quản lý ngân sách;
- CSDL Quản lý lưu trữ văn bản;

- CSDL Giải quyết các khiếu nại, tố cáo;
- CSDL Hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo;
- CSDL Quản lý hồ sơ tư pháp;
- CSDL Các dự án đầu tư;
- CSDL Thống kê kinh tế - xã hội;
- CSDL Hộ kinh doanh cá thể;
- CSDL Quản lý người có công;
- CSDL Hành chính công;
- CSDL Quy hoạch xây dựng;
- CSDL Quản lý lĩnh vực nông nghiệp;
- CSDL Quản lý cấp phép các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch;
- CSDL Quản lý cấp phép các hoạt động thông tin, truyền thông;
- CSDL Quản lý hoạt động của Khu Công nghiệp;

Đồng thời xác định rõ trách nhiệm quản lý và cập nhật dữ liệu. Mỗi CSDL sẽ được quy trách nhiệm một cách rõ ràng về một cơ quan, đơn vị cụ thể để quản lý, cập nhật thông tin dữ liệu. Đơn vị đầu mối này chịu trách nhiệm cao nhất về sự chính xác của dữ liệu.

#### ***6. Đảm bảo an toàn, bảo mật***

Hoàn thiện hệ thống an ninh, bảo mật nhằm đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin, bảo mật cho hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh bao gồm: Hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật về an toàn bảo mật mạng; bổ sung các giải pháp sao lưu, phục hồi tự động để đảm bảo an toàn CSDL. Ban hành các chính sách về an toàn bảo mật trong khai thác, vận hành, sử dụng hệ thống Chính quyền điện tử như: Chính sách quản lý dữ liệu; quy trình thực hiện khi phát hiện hệ thống bị tấn công; chính sách về cập nhật phiên bản mới, cập nhật bản vá lỗi của phần mềm...

#### ***7. Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách***

- Cụ thể hóa, thể chế hóa các chính sách, quy định về ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh: Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp tại các cơ quan; chuẩn hóa các quy định về tạo nguồn, trao đổi, chia sẻ thông tin; xây dựng các chính sách về thu hút, chế độ đãi ngộ, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực CNTT.

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế để thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNTT gồm: Xây dựng, hoàn thiện các chính sách ưu đãi trong đầu tư, kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển CNTT, đặc biệt là liên doanh, liên kết phát triển phần cứng, phần mềm; chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp trong tỉnh; khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT được sản xuất trong tỉnh, trong nước.

- Tạo hành lang pháp lý để hình thành các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

## **8. Giải pháp tài chính**

Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh hướng đến hiện đại hóa nền hành chính, thuộc chương trình cải cách hành chính của tỉnh nên giải pháp tài chính để thực hiện các hạng mục đầu tư trong Đề án dự kiến huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

### **IV. Phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, với 01 lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng ban, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông và một số thành viên chuyên trách của Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo tốt công tác triển khai các dự án thành phần thuộc Đề án theo đúng lộ trình, quy định;

- Là cơ quan chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Đề án; tổ chức triển khai, rà soát lại các dự án đã đầu tư và nhu cầu nhiệm vụ để xác định lộ trình cụ thể trong việc triển khai các dự án thành phần đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả; tổng hợp, báo cáo và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Đề án;

- Chủ trì, phối hợp triển khai công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện, sử dụng, khai thác Chính quyền điện tử tỉnh;

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Đề án.

#### **2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và hoàn thiện các quy trình tác nghiệp tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

#### **3. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, UBND cấp huyện rà soát, tổng hợp đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đạt chuẩn trình độ chuyên ngành CNTT, ưu tiên sắp xếp vào vị trí chuyên trách về CNTT; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ trên đạt chuẩn trình độ mọi mặt về CNTT, sẵn sàng làm đầu mối triển khai Chính quyền điện tử tại các cơ quan, đơn vị.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ;



- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành;

- Là đầu mối xây dựng chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển CNTT.

### **5. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ; hướng dẫn các đơn vị, địa phương quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Đề án.

### **6. Sở Tư pháp**

Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tuân thủ các quy định về rà soát, đơn giản hóa và rút gọn quy trình thực hiện các TTHC thuộc phạm vi quản lý.

### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Đề án đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

### **8. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành có liên quan đề xuất phương án liên thông, công khai quy hoạch xây dựng, sử dụng đất; cơ sở dữ liệu đất đai để thu hút đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

### **9. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các sở, ngành có liên quan đưa các nội dung chuyên đề, phổ cập kiến thức về Chính quyền điện tử vào các trường trung học phổ thông, cao đẳng, dạy nghề, đại học trên địa bàn tỉnh.

### **10. Các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan**

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao thuộc phạm vi quản lý.

### **11. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Thành lập các Ban Chỉ đạo để triển khai Đề án trên địa bàn;

- Triển khai các nhiệm vụ trong Đề án ở cấp huyện và chủ động cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ứng dụng CNTT cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định;

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy trình tác nghiệp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện để thực hiện các giao dịch và giải quyết các TTHC đối với người dân, doanh nghiệp của địa phương;

- Chi đạo UBND xã, phường, thị trấn tăng cường trang bị cơ sở vật chất; thực hiện niêm yết, công khai quy trình của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC để công khai, minh bạch thông tin tới doanh nghiệp và người dân.

### **12. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trên địa bàn**

Tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện Đề án.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình (để công bố);
- Lưu: VT, KGVX

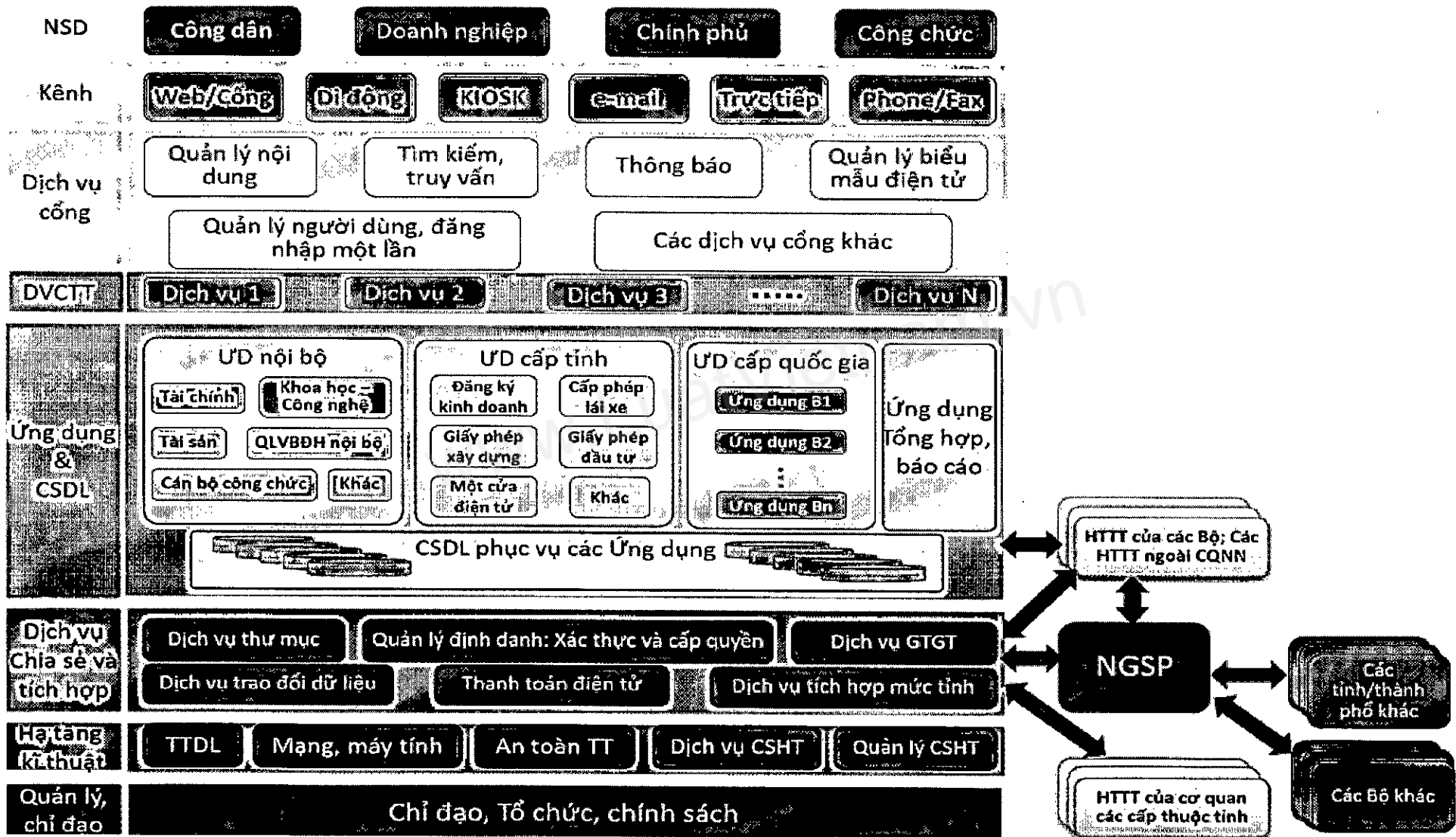
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Diên**

# PHỤ LỤC 01

## Sơ đồ Kiến trúc tổng thể Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình



**PHỤ LỤC 02**

**Danh mục các dự án thành phần của Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Tên dự án trọng tâm cần thực hiện	Kinh phí dự kiến	Phân bổ kinh phí cho các năm				Chủ trì thực hiện
			2017	2018	2019	2020	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.000</b>	<b>44.050</b>	<b>34.750</b>	<b>12.700</b>	<b>9.500</b>	
<b>A</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình thuộc Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020</b>	<b>45.000</b>	<b>23.850</b>	<b>20.150</b>	<b>1.000</b>		Sở Thông tin và Truyền thông
1	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	18.000	1000	16.000	1.000		
1.1	Nâng cấp Trung tâm Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo tiêu chuẩn an toàn thông tin cấp độ 3	15.000		15.000			
1.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh	3.000	1.000	1.000	1.000		
2	Đầu tư hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh	17.300	16.800	500			
2.1	Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh	15.000	15.000				
2.2	Nâng cấp kết nối, liên thông một số hệ thống thông tin hiện có của tỉnh	2.300	1.800	500			
3	Đầu tư xây dựng CSDL tập trung của tỉnh trên các lĩnh vực để kết nối với CSDL quốc gia	5.500	2.500	3.000			
3.1	CSDL xác thực người dùng	300	300				

STT	Tên dự án trọng tâm cần thực hiện	Kinh phí dự kiến	Phân bổ kinh phí cho các năm				Chủ trì thực hiện
			2017	2018	2019	2020	
3.2	CSDL công dân (phục vụ quản lý công dân khi đăng ký dịch vụ công trực tuyến)	1.000		1.000			
3.3	CSDL chuyên ngành để dùng chung trong toàn tỉnh	4.000	2.000	2.000			
3.4	Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội tại Thái Bình	200	200				
4	Huấn luyện, chuyển giao công nghệ về an toàn thông tin mạng, sử dụng Chính quyền điện tử cho cán bộ của các cơ quan nhà nước, công dân trên địa bàn tỉnh.	1.300	650	650			
5	Các chi phí khác của dự án	2.900	2.900				
<b>B</b>	<b>Các dự án, nhiệm vụ để xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh</b>	<b>56.000</b>	<b>20.200</b>	<b>14.600</b>	<b>11.700</b>	<b>9.500</b>	
1	Đầu tư, bổ sung thiết bị máy chủ, thiết bị sao lưu dữ liệu, Hệ thống báo cháy chuyên dụng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	5.000	5.000				Sở Thông tin và Truyền thông
2	Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước cấp huyện, xã	9.000	2.000	2.000	2.000	3.000	UBND cấp huyện, xã
3	Triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên thuộc 53 nhóm DVCTT cấp tỉnh, huyện, xã ưu tiên triển khai tại các địa phương theo Quyết định 1819/QĐ-TTg	7.800	3.000	2.800	2.000		Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên dự án trọng tâm cần thực hiện	Kinh phí dự kiến	Phân bổ kinh phí cho các năm				Chủ trì thực hiện
			2017	2018	2019	2020	
4	Đầu tư xây dựng 20 CSDL quan trọng, cốt lõi, dùng chung của tỉnh trên các lĩnh vực để kết nối với CSDL quốc gia	14.500	5.000	4.000	3.000	2.500	Sở TTTT và các cơ quan nhà nước liên quan
5	Thiết lập Trung tâm hỗ trợ công dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về khai thác, sử dụng hệ thống Chính quyền điện tử cũng như các thủ tục hành chính thuộc tỉnh	2.000	500	500	500	500	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ công chức về An ninh thông tin mạng và vận hành khai thác Chính quyền điện tử	1.400	200	500	500	200	Sở TTTT và các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh
7	Tiếp tục truyền thông và tập huấn về Chính quyền điện tử cho công dân và doanh nghiệp	1.500	500	400	300	300	Sở TTTT
8	Tiếp tục triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	800		400	400		Sở TTTT
9	Trang bị bổ sung hạ tầng CNTT tại Trung tâm hành chính công cấp huyện, Bộ phận một cửa liên thông cấp xã	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	Trung tâm HCC cấp huyện, Một cửa cấp xã
10	Đầu tư, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng	2.000	1.000	1.000			Sở TTTT